

“ĐÁ” TRONG TÂM THỨC CỦA NGƯỜI VIỆT

Trần Thị Mai Nhân

1. Mở đầu

Từ thuở hồng hoang, loài người đã biết sử dụng đá để phục vụ cho đời sống. Và một sự thật hiển nhiên là trước khi bước vào giai đoạn đồ kim khí, lịch sử phát triển của xã hội loài người từng trải qua thời kỳ “đồ đá”. Với người dân Việt Nam, từ ngàn xưa, đá có mặt khắp nơi trong đời sống con người. Người bình dân dùng đá để đánh lửa, dựng bếp, kê cột nhà.... Vua chúa dùng đá để tô điểm đền đài, cung điện, lăng tẩm... Các bậc thượng lưu dùng đá làm vật trang sức để tăng vẻ đẹp sang trọng, cũng như thể hiện uy quyền của mình. Nhiều nơi trên đất nước Việt Nam có tục thờ “Linh Thạch”, thờ “Thần Đá” hay có thú sưu tập và chơi đá cảnh. Không phải ngẫu nhiên mà người xưa từng đề cao vai trò của đá: *“Núi không có đá không kỳ vĩ, Nước không có đá không có âm thanh, Đường không có đá không chắc chắn, Vườn không có đá vườn không đẹp, Nhà không có đá không sang trọng, Người không chơi đá không khoẻ mạnh”*¹. Và đá đã trở thành biểu tượng tinh thần trong đời sống văn hoá của dân tộc. Đi dọc hành trình của đất nước, chúng ta sẽ thấy đâu đâu *“cũng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha”*² qua những dáng hình của đá. Và chúng ta nhận ra cái tinh thần dân tộc, tinh thần văn hoá của cha ông qua cái “tinh thần đá” ấy.

2. “Đá” trong tâm thức của người Việt

2.1. Đá – Cội nguồn sự sống

Như nhiều quốc gia trên thế giới (Nam Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc, Lào,...) có tục thờ Thần Đá qua các di tích cự thạch, qua các khu tượng, qua những viên đá linh, đá hộ mệnh..., trên núi hay ở một số đảo kỳ bí giữa biển khơi, Việt Nam cũng có tín ngưỡng thờ đá. Tín ngưỡng này tồn tại khá lâu trong đời sống văn hoá của người Việt. Theo các nhà nghiên cứu, hiện nay trên đất nước Việt Nam có nhiều nơi còn tồn tại tục thờ đá. Chẳng hạn, ở làng Thanh Phước (Hương Phong, Hương Trà – Huế) thờ *Kì Thạch phu nhân*; ở làng Nguyệt Biều (Huế) thờ phiến đá cổ *Thạch cảm đương* (Thần đá); làng Hải Cát (gần làng Nguyệt Biều) cũng thờ phiến đá *Thái Sơn thạch cảm đương* (Thần đá Thái Sơn); ở thôn La Khê Bãi (Hương Thọ, Hương Trà – Huế) thờ thạch thần trong điện “Mẹ Nằm”, Ở miền Bắc, nhiều nơi cũng có tục thờ đá: Làng Tiên Lát (Việt Yên, Bắc Giang) thờ *Thạch tướng quân*; chùa Dâu (Thuận Thành – Bắc Ninh) thờ *Thạch Quang Phật*; ở xã Nam Sơn (huyện Quế Võ – Bắc Ninh) thờ *Cột đá chạm rồng và Bàn cờ đá* (bàn cờ tiên); ở xã Tiên Sơn (huyện Việt Yên, Bắc Giang) thờ *Thạch Linh thần tướng*, v.v...

Vậy, tại sao cho đến nay, khi xã hội bước vào thời đại “kỹ trị”, tín ngưỡng sùng bái “linh thạch” không những không bị mai một mà như một mạch nguồn văn hoá vẫn

¹ Nguyên văn chữ Hán: “*Sơn vô thạch bất kỳ; Thủy vô thạch bất thanh; Lộ vô thạch bất hoa; Viên vô thạch bất tú; Thất vô thạch bất nhĩ; Nhân vô thạch bất khang*” (Dẫn theo Đào Đình Khoa, *Bừng lên châu ngọc Bắc Ninh* này, <http://baobacninh.com.vn>, 17/04/2010).

² Thơ Nguyễn Khoa Điềm.

âm thầm chảy trong dòng chảy văn hoá Việt Nam và “biến tấu” dưới nhiều hình thức khác nhau?

Trước hết, trong quan niệm và trong tâm thức của người Việt, đá là **cội nguồn của sự sống**. Nếu người dân Trung Quốc từng tự hào về cái “tinh thần đá” của dân tộc mình qua hình tượng *Nữ Oa đội đá vá trời* thời khai thiên lập địa hay qua hình ảnh Tôn Ngộ Không – nhân vật linh hồn của *Tây Du ký* (được sinh ra từ một tảng đá tiên trên Hoa Quả Sơn – ngọn núi được mệnh danh là “Huyết mạch của mười châu, hợp long của tam đảo”), thì người dân Việt Nam cũng tự hào về cội nguồn sự sống mạnh mẽ, vững bền (từ đá) trong văn hoá của dân tộc mình.

Ngược dòng thời gian tìm về với quá khứ, chúng ta sẽ hiểu hơn về đời sống tinh thần và văn hoá của dân tộc qua từng thời kỳ lịch sử. Trong đó, chúng ta sẽ bắt gặp những nhân vật thiêng liêng, “khí thế lừng lẫy về trước, anh linh còn mãi về sau”³. Đó là những nhân vật được huyền thoại hoá, được sinh ra một cách kỳ diệu, gắn liền với “linh thạch”. Chẳng hạn, câu chuyện về *Đại Thánh Từ Đạo Hạnh* được kể rất kỳ lạ, hoang đường. Từ cái chết của ông (“đập đầu vào vách đá, nện chân lên bàn đá rồi hoá”) đến việc ông đầu thai vào nhà Sùng Hiền Hầu (em vua Lý Nhân Tông), được lên làm vua, rồi “hoá” trong động... là một chuỗi những điều kỳ lạ được nhân dân thêu dệt nên để thiêng liêng hoá và bất tử hoá nhân vật có thể “thông cả lục trí” này. Đặc biệt, liên quan đến *Từ Đạo Hạnh* là sự ra đời cũng rất kỳ lạ của vua Lê Hiến Tông. Theo *Việt điện u linh*, khi Đạo Hạnh “hoá”, xác còn ở trong động, trải qua hàng tháng vẫn thơm tho, nét mặt tươi như lúc còn sống... Sau khi đem xác hoả táng, người ta lấy tro đắp thành tượng, để vào am thờ ở chùa Thiên Phúc. Trong thời Quan Thuận (1460 - 1469, đời vua Lê Thánh Tông), Trường Lạc hoàng hậu sai Thái úy Trình Quốc công lên động chùa Thiên Phúc cầu tự, khi làm lễ, có một hòn đá ở ngoài động bay vào, Trình Quốc công mang về trình hoàng hậu. Ít hôm sau, hoàng hậu mộng thấy rồng vàng vào bên sườn, rồi có mang, sinh ra vua Lê Hiến Tông⁴. Không gian và thời gian mang tính xác thực nhưng sự ra đời của bậc Đế vương lại mang tính hoang đường (*hòn đá ngoài động bay vào ngay khi đang làm lễ cầu tự*). Theo Nguyễn Việt Hùng, “những hòn đá trong các hang động thể hiện mối giao hoà Âm – Dương, Trời - Đất. Hang động biểu tượng cho sinh thực khí của người phụ nữ (yoni), biểu hiện khả năng sinh nở; còn những hòn đá biểu trưng cho sinh thực khí nam (linga). Những hòn đá “mọc” lên trong hang động mang ý nghĩa về sự hoà hợp, sinh sôi nảy nở. Sự hoà hợp của thiên nhiên sẽ dẫn đến sự hoà hợp và sinh nở của con người”⁵. Như vậy, dù không trực tiếp sinh ra từ đá nhưng sự tác động của đá từ hang động đã làm cho sự ra đời của nhà vua bỗng hoá thiêng liêng...

Câu chuyện về sự ra đời kỳ lạ của *Thạch Tướng quân* (xã Thượng Lát, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) được ngợi ca như một giai thoại đẹp về lòng yêu nước. Các bản kể cho thấy sự ra đời kỳ lạ và lớn lên phi thường, cũng như lập nên công đức phi thường của Thạch Tướng Quân: “*Một con rắn dài hơn mười trượng, thân hình óng ánh ngũ sắc bơi vòng quanh phiến đá trong ao. Một đêm bỗng có tiếng nổ vang lên long trời lở đất, phiến đá vỡ ra làm ba mảnh và thấy một đứa trẻ tướng mạo đường*

³ Lý Tế Xuyên (1994), *Việt điện u linh*, Nxb.Văn học, Hà Nội, trang 11.

⁴ Lý Tế Xuyên (1994), *Việt điện u linh*, Nxb.Văn học, Hà Nội, trang 96 - 97.

⁵ Nguyễn Việt Hùng (2010), *Tục thờ đá trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, www.vanchuongviet.org (Nguồn: Tạp chí Văn hoá Dân gian, số 1 -2004).

hoàng, tư phong lâm liệt”... Đến năm bảy tuổi, đứa bé vẫn chưa biết nói. Nhưng khi có giặc, đứa bé chuyển mình đứng dậy, nói ra lời và bảo với sứ giả báo gấp cho nhà vua làm ngay một con voi đá mười trượng để mình đánh giặc. Thạch Tướng đã cưỡi voi xông trận và chiến thắng, rồi bay thẳng lên trời biến mất.⁶ Câu chuyện về Thạch Tướng Quân thể hiện rõ tư tưởng triết học của người Việt về **nguồn gốc của sự sống** cũng như **tinh thần đá** tích tụ trong văn hoá của người Việt: sinh ra từ đá, mang tên hiệu của đá (Thạch Tướng Quân), sử dụng vũ khí, phương tiện bằng đá (con voi đá)....

Gắn liền với cảm thức **đá sinh ra sự sống** ấy là cảm thức **đá tạo ra không gian sinh tồn** cho con người. Thần thoại *Thần Trụ Trời* phải chăng là minh chứng hùng hồn cho “tinh thần đá” ấy? Khi Trời Đất còn là một cội hỗn mang, Thần Trụ Trời đã đội trời lên, đào đất, **khuân đá**, đắp thành một cái cột vừa to, vừa cao để chống trời. Cột đắp lên cao bao nhiêu, trời như tấm màn mênh mông được nâng dần lên bấy nhiêu. Thần một mình hì hục đào, đắp, **cột đá** cứ cao dần, cao dần và đẩy vòm trời lên tận mây xanh. Từ đó, trời đất mới phân đôi. Khi trời đã cao và khô cứng, Thần liền phá tan cột đi, lấy đất đá ném tung ra khắp nơi. Mỗi **hòn đá** văng đi biến thành một **hòn núi** hay một **hòn đảo**, đất tung tóe ra mọi nơi thành gò, đồng, thành những dải đồi cao. Chỗ Thần đào sâu để lấy đất đá đắp cột, ngày nay là biển cả mênh mông...

Quan niệm **đá – cội nguồn sự sống** còn được người Việt thể hiện qua việc **thờ Đá – sinh thực khí**. Tục thờ sinh thực khí bằng đá trong tín ngưỡng phồn thực là tục thờ những vật tượng trưng cho sinh thực khí của đàn ông và đàn bà. “Tục thờ này gắn bó chặt chẽ với tục thờ Đá trong hình thức thờ cúng các vật thiêng. Rất nhiều cột đá dựng đứng được xem là biểu tượng của dương vật”⁷. Theo các nhà khảo cổ học Việt Nam, cổ vật biểu trưng cho giới tính được phóng đại, mang nét phồn thực cao chính là tượng đá Văn Điển (nghĩa trang Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội). Bức tượng làm bằng đá ngọc màu xám, mang dáng hình một người đàn ông, có bộ phận sinh dục được thể hiện khá to, nổi rõ, thể hiện sự sinh sôi nảy nở... Ngoài ra, chúng ta có thể thấy hiện tượng thờ Đá - sinh thực khí hay những biểu tượng có ý nghĩa “phồn thực” ở một số địa phương khác: ở Làng Đồng Kỵ, Bắc Ninh (thờ cột đá Thái Bạch – một biểu tượng Linga), hòn Trống Mái ở Sầm Sơn (Thanh Hoá), hòn Vợ – hòn Chồng ở Khánh Hoà, Tháp Bà (Nha Trang),... Tất nhiên, hiện tượng thờ Linga không chỉ có ở Việt Nam. Nhưng trong quan niệm của người Việt, cũng như cây, đá có mối liên hệ tương tác tâm linh với con người và có ý nghĩa tái sinh. Theo *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, một nét biểu trưng của đá là “sự sống và có khả năng đem lại sự sống”⁸. Có lẽ đó là đặc trưng khiến cho đá có liên quan đến tín ngưỡng phồn thực. “Con người tin rằng sự kết hợp giữa đá và các đối tượng thờ cúng sẽ tạo ra một sức mạnh cộng hưởng, có thể đem lại hiệu quả, tạo ra sự sinh sôi, nảy nở. Bản chất sự sống ở trong đá sẽ tiếp thêm sinh lực cho những biểu tượng về sự sinh sản, để đáp ứng nguyện vọng của con

⁶ Nguyễn Hữu Mùi dịch, Dương Thị The hiệu đính, *Bản ngọc phá cổ về vị sơn thần Chuyển Hùng Thạch đại vương giúp nước đánh giặc Man* (Thần tích xã Thượng Lát, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang), Dẫn theo Nguyễn Huy Bình – *Truyền thuyết Thạch tướng quân trong mối quan hệ với tín ngưỡng thờ đá*.

⁷ Phan Xuân Viện (2009), *Mô típ đá thiêng/ hoá đá và tín ngưỡng thờ đá trong truyện kể dân gian Nam Đảo*, khoaanhoc_ngonngu.eu.vn.

⁸ Nhiều tác giả (1997), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Nxb. Đà Nẵng, trang 271.

người về sự sinh sôi của cây cối, vật nuôi và cả con người. Bởi thế, hầu hết các đồ thờ, bệ thờ đều được làm bằng đá”⁹.

Mặt khác, xuất phát từ quan niệm “vạn vật hữu linh”, người Việt đã khoác lên đá – vật vô tri vô giác - linh hồn, sự tri nhận. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng làm lay động lòng người khi thêu tỏ linh hồn của đá: “*Làm sao em biết bia đá không đau...*”. Chỉ có sự đồng điệu trong tâm hồn, con người mới có thể “đánh thức” tâm năng của đá:

*Trong giấc ngủ vô cùng của Đá
Cùng vô hạn đêm khuya và vô hạn sao trời...
Ta bản lĩnh thì đá kia bản lĩnh, mà ta
cô đơn thì đá hóa cô đơn.*

(*Hoa trên đá* – Chế Lan Viên)

Trong tâm thức của người Việt, đá còn là ***nơi trú ngụ của thần linh***. Cho nên, đá có thể che chở cho con người, giúp con người thoát khỏi những tai ương. Chẳng hạn, theo người dân xứ Huế, việc thờ phụng đá cổ *Thạch cảm đương* là để “trấn giữ” làng, chống lại sự quấy phá của thú dữ. Hay thờ Thần đá Kì *Thạch phu nhân* là để cầu mong cho dân làng được bình an. Người dân ở đây có một niềm tin rất mãnh liệt vào những “linh thạch” này, vì họ cảm nhận được sự linh ứng và thực tế, họ tiếp nhận được tinh thần sống từ những phiến đá tưởng chừng rất vô tri này.



Thờ: “**Thái Sơn Thạch cảm đương**”
(Làng Hải Cát - Huế). Ảnh: Thái Lộc

Nhà nghiên cứu Léopold Cadière đã có những nhận xét rất xác đáng khi nghiên cứu về văn hoá tín ngưỡng Việt Nam, đặc biệt là ở Huế: “Người Việt thờ kính những tảng đá gây hiểm nguy cho việc đi lại trên sông nước, nghĩa là cầu xin các thần thù nghịch đang trú ẩn trong những tảng đá kia đừng làm hại họ. Họ tin một số tảng đá là nơi cư ngụ của thần thánh...”¹⁰. Theo tác giả Phan Xuân Viện, “thờ đá là một trong những cách làm gây thiện cảm với thần linh, để thần sẽ không dùng sức mạnh của mình gieo rắc tai họa cho cuộc sống của họ; trái lại, bằng sức mạnh thần lực rắn chắc của mình, thần sẽ đè bẹp mọi thần lực gây hại, bảo vệ sự tồn tại yên bình cho mỗi con người và cộng đồng của họ”¹¹.

Nói chung, đá vốn vô tri vô giác, thậm chí tầm thường, nhưng nhờ *lấn lóc/sùng sững/trơ trọi/thi gan* giữa đất trời, mưa nắng, gió bão... từ ngàn xưa đến ngàn sau mà đá được hấp thụ sinh khí của tự nhiên và trở thành “linh khí”. Và điều quan trọng là từ xưa đến nay, người Việt đã biết tin vào đá, tựa vào đá để nuôi dưỡng sự sống và hun đúc tinh thần qua nhiều thế hệ.

⁹ Nguyễn Việt Hùng (2010), *Tục thờ đá trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, www.vanchuongviet.org.

¹⁰ Leopold Cadiere (2010), *Văn hóa tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, tập II (Đỗ Trinh Huệ dịch), Nxb. Thuận Hóa, trang 118.

¹¹ Phan Xuân Viện (2009), *Môtíp đá thiêng / hóa đá và tín ngưỡng thờ đá trong truyện kể dân gian Nam Đảo*, khoavanhoc_ngonngu.eu.vn.

2.2. Đá – Sự thử thách và thước đo ý chí con người

Trừ những “linh thạch” được sùng bái mang dáng vẻ kỳ lạ hay những tảng/viên đá được tạo nên bởi bàn tay nhân tạo để phục vụ cho những thú chơi tao nhã của con người – sưu tập kỳ hoa, dị thảo, chơi non bộ..., những cá thể đá được tạo nên bởi linh khí của trời đất, của tự nhiên thường không có cái vẻ bề ngoài hấp dẫn. Nói đến đá, người ta thường nghĩ đến sự nặng nề, thô ráp. Tuy nhiên, do gắn bó từ ngàn xưa trong mối quan hệ tương sinh với con người, “vẻ chắc chắn, nặng nề của đá đã dần dần được nhân dân nhân cách hoá, trở thành sức mạnh, trách nhiệm và là biểu tượng chứa đựng một nội hàm văn hoá phong phú”¹².

Trước hết, Đá trở thành đối tượng để **thử thách ý chí, sự kiên trì của con người**. Đề cao nghị sức sống bền bỉ, mãnh liệt của con người trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, người Việt thường sử dụng thành ngữ “hoa trên đá” hay “ngọc trong đá”. Thật vậy, nếu không có đá – tượng trưng cho sự khô cằn, khắc nghiệt, làm sao chúng ta biết được sức mạnh, ý chí và vẻ đẹp tâm hồn của con người? Nhà thơ Chế Lan Viên, sau khi đã trải qua những thăng trầm cay đắng, đã thấm thía những cung bậc cảm xúc “hỉ nộ ái ố” của cuộc đời, đã gửi tâm hồn, triết lý sống của mình vào một tập thơ mang tên *Hoa trên đá* (1984). Triết lý sống ấy thể hiện ngay ở bài thơ *Đề từ*:

“Đời ngoài tuổi năm mươi
Mong gì hương sắc lạ
Mọc chùm hoa trên đá
Mùa xuân đâu chịu lùi...”

Cái chùm hoa trên đá nở hoa mùa xuân vĩnh cửu, không chịu lùi trước bão táp phong ba phải chăng là cái “tinh thần đá” vốn tiềm tàng trong tâm thức của người dân Việt? Cái “tinh thần đá” đó đã được kết tinh, hun đúc qua nhiều thế hệ, tạo nên sức mạnh phi thường để đẩy lùi thiên tai, địch hoạ qua hàng ngàn năm.

Khác với một số dân tộc trên thế giới (thường thử sức mạnh của con người bằng cách *nâng thanh gươm hay giương cây cung*), người Việt thường **dùng đá để thử thách sức mạnh hay tinh thần đoàn kết** của con người. Bởi ngoài *sức bền*, đá còn tượng trưng cho *sức nặng (nặng như đá)*. Ngày xưa, trong những cuộc tranh tài, người ta thường “thách đấu” bằng cách nhắc thử những tảng đá lớn để thử sức mạnh của con người. Vì vậy, trong những năm tháng đất nước có chiến tranh, để nhắc nhở đồng bào về sức mạnh của tinh thần đoàn kết, chủ tịch Hồ Chí Minh đã mượn hình ảnh mang tính biểu trưng là *đá* ấy:

“Hòn đá to
Hòn đá nặng
Chỉ một người
Nhắc không dặng.

Hòn đá nặng

¹² Lục Tiểu Linh Đồng (2010), *Lục Tiểu Linh Đồng bình Tây Du* Tập 1, (Phạm Uyên Minh dịch), Nxb. Thời Đại, tr.12.

*Hòn đá bền
Chỉ ít người
Nhắc không lên.*

*Hòn đá to
Hòn đá nặng
Nhiều người nhắc
Nhắc lên nặng.”*

(Hòn đá - Hồ Chí Minh)

Từ thực tế hiển nhiên ấy, Người đưa ra bài học quý báu cho nhân dân trong hoàn cảnh đất nước đang “ngàn cân treo sợi tóc”:

*“Biết đồng sức
Biết đồng lòng
Việc gì khó
Cũng làm xong.”*

Một ví dụ thật cụ thể mà sinh động, giàu chất triết lý về “tinh thần đá”!

Mặt khác, trong sự đối trọng với con người, **đá còn được dùng để do ý chí, sự kiên trì, sự bền vững của con người trước thời gian**. Những thành ngữ “nước chảy đá mòn”, “chân cứng đá mềm” hay “Trăm năm bia đá cũng mòn”... thể hiện rất rõ điều đó. Thông điệp mà dân gian muốn gửi đến chúng ta thật sâu sắc: “cứng như đá”, “chắc như đá”, “bền như đá” mà vẫn hư hao bởi tác động của ngoại lực (bị **mòn** đi bởi nước chảy - sự kiên trì, bền bỉ của con người, bị **mềm** đi bởi những bước chân vững chãi, bất chấp khó khăn của con người...). Còn gì sâu sắc hơn, thú vị hơn khi “hạ thấp” sức bền của đá để nâng cao sức mạnh tinh thần của con người như thế!

2.3. Đá – Sự bền vững trước thời gian

Trong dòng chảy văn hoá Việt Nam, chúng ta nhận thấy con người đã tạc tình yêu của mình vào đá, đã khắc chạm lời thề lên đá, thậm chí đã hoá thành đá để vĩnh cửu hoá tình yêu. Bởi đá là biểu tượng cao nhất cho sự **bền vững với thời gian/sự sắt son chung thủy**. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà dân gian dùng thành ngữ “nồi đồng cối đá” để nói đến sự bền vững trước thời gian của sự vật, con người. Và để ghi nhớ hay lưu danh cho muôn đời con cháu mai sau, cha ông ta thường khắc ghi trên các **tảng đá** hay trên **bia đá**. Là người Việt Nam, ai không tự hào về *Bia Tiến sĩ* ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội). Đó là 82 tấm bia đá ghi tên những người đỗ Tiến sĩ các khoa thi thời Lê sơ, Mạc và Lê Trung hưng (1442 - 1779). Bia Tiến sĩ vừa là hình thức tôn vinh các bậc trí thức Nho học đương thời vừa là hình thức “lưu giữ ký ức”, lưu giữ di sản tinh thần cho nhiều thế hệ. Vì trước những biến thiên của tự nhiên và những thăng trầm của thời cuộc, chỉ có khắc vào đá, những di sản tinh thần của dân tộc mới được trường tồn. Năm tháng qua đi, bụi thời gian có phủ mờ lên trí nhớ của con người thì Bia Tiến sĩ và những trí thức Nho học một thời, từng làm rạng danh cho non

sông nước Việt, sẽ vẫn còn mãi với thời gian. Đó cũng là lý do mà Bia Tiến sĩ được UNESCO công nhận là *Di sản tư liệu thế giới*, năm 2010.

Trong hành trình đi mở nước của cha ông, có những huyền tích còn lưu lại gắn liền với đá mà mỗi lần nhắc đến, chúng ta không tránh khỏi nỗi chạnh lòng pha lẫn niềm tự hào. Trong đó có huyền tích về **Đá Bia** hay còn gọi là Thạch Bi Sơn (tỉnh Phú Yên). Đá Bia là một khối đá cao 76m, vươn thẳng lên bầu trời. Người ta kể rằng, hơn 500 năm trước, trong hành trình mở nước về phía Nam, vua Lê Thánh Tông đã cho người khắc chữ trên Đá Bia (mùa xuân năm 1471). Đá Bia trở thành nơi lưu lại dấu ấn của lịch sử một thời trên hành trình Nam tiến đầy gian khó của cha ông. Đá Bia trở nên thiêng liêng hơn khi được chạm khắc vào đó lòng cảm thương, sự ngưỡng mộ của hậu thế đối với các bậc tiền nhân:

*“Mảnh đá đầu non dựng
Tầng cao ngất một phương
Chia bờ nêu cột Hán
Đuổi giặc trú xe Đường
Chữ triện mây lu nét
Công thân sử dọi gương
Chạm bia người đã vắng
Lữ khách chạnh lòng thương”.*

Đó là tác lòng của quan đại thần triều Nguyễn Phan Thanh Giản dành cho vua Lê Thánh Tông khi có dịp đến Thạch Bi Sơn. Thời hiện đại, trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Đá Bia lại trở thành chứng nhân của lịch sử. Năm tháng qua đi, Đá Bia vẫn sừng sững, uy nghi trên đỉnh núi cao, mời gọi bước chân của du khách thập phương. Tinh thần dũng cảm của cha ông một thời đi mở nước cũng chính là “tinh thần đá” thiêng liêng, mạnh mẽ, bền vững được tạc vào Thạch Bi Sơn để nhắc nhở muôn đời con cháu mai sau tưởng nhớ cội nguồn...

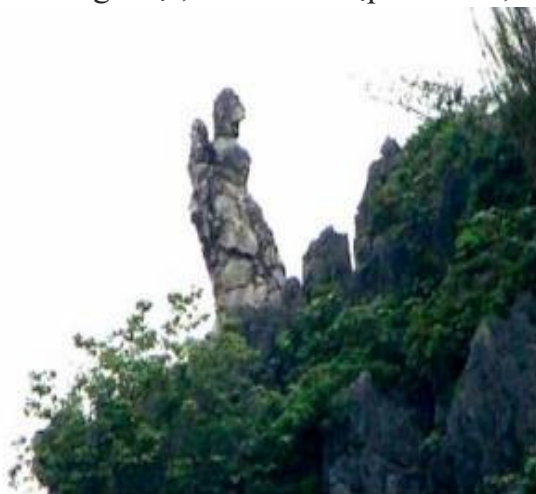
Trong dòng chảy của văn hoá Việt, **tượng đá, cột đá, bệ đá...** đã trở thành những di vật biểu hiện cho sự kiên định, vững bền. Trong đó, **thạch kinh** (khắc Kinh lên đá) trong văn hoá Phật giáo là một minh chứng hùng hồn cho sự tương tác tinh thần giữa người và đá. Theo các nhà nghiên cứu, **Thạch kinh** xuất hiện lần đầu tiên ở Trung Quốc vào năm Tống Khai Bảo thứ 4 (năm 971). Vua Tống đã cho khắc **Kinh Đại tạng** lên cột đá để cúng dường. Ở Việt Nam, chỉ hai năm sau (973), Nam Việt Vương Đinh Liễn (con trai Đinh Tiên Hoàng) đã cho dựng ở Hoa Lư 100 cột kinh Phật bằng đá, khắc **Kinh Đà la ni**. Từ đây về sau tạo thành một dòng chảy thạch kinh trong văn hóa Việt Nam¹³. Đặc biệt, trong dòng chảy văn hoá đó, sau này vua Lê Đại Hành cũng đã cho dựng **cột kinh** (trụ đá) để khắc kinh dăng nhà Phật ở chùa Nhất Trụ (Chùa Một Cột). Đó là một **cột đá** cao hơn 3m, tiết diện hình bát giác. Hiện nay, một số chùa lớn ở Việt Nam cũng phát huy truyền thống dựng **Thạch kinh** trước điện thờ Phật hoặc trong khuôn viên chùa (chùa Pháp Vân – Thành phố Hồ Chí Minh, chùa Thiên Hưng – Huyện An Nhơn, Bình Định). Khắc Kinh lên đá là cách nhờ đá lưu giữ những

¹³ Chu Minh Khôi (2007), *Đá – linh khí trong di vật cổ Phật giáo*, Nguồn: CAND, antg.cand.com.vn .

triết lý của nhà Phật bền vững đến muôn đời. Khắc Kinh lên đá cũng là cách con người thổi hồn mình vào đá và được đá truyền cho năng lượng và sức mạnh tinh thần.

Trong cái bận rộn, xô bồ của cuộc sống thường nhật, nếu ai có dịp thoát ra, đi dọc hành trình của đất nước để bàn chân cảm nhận được hơi ấm của mảnh đất quê hương sẽ cảm thấy vô cùng thú vị khi được “mục sở thị” những dấu tích của đời sống tinh thần, tình cảm của người xưa qua những “gương mặt” đá. Đó là sự **hoá thân** kỳ diệu của con người để mình chứng cho những mối tình thủy chung son sắt, trường tồn mãi với thời gian.

Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã từng khái quát về sự **hoá đá** của người xưa để góp cho sông núi những gương mặt thời gian:



Đá vọng phu (Phù Cát – Bình Định)

“Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu

Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái”

(*Đất Nước* (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm)

Câu chuyện về người vợ ôm con chờ chồng đến hoá đá (Đá vọng phu) được lưu truyền trong dân gian đã từng làm rung động trái tim của bao người con đất Việt. Bởi con người đã kết “khối tình” của mình thành đá hay nói cách khác, đá là những “khối tình” đã đã được thăng hoa từ những khúc bi ai. Mặt khác, bi kịch của người phụ nữ trong câu chuyện không còn là bi kịch đơn nhất mà đã trở thành bi kịch mang ý nghĩa phổ quát. Và tấm lòng son sắt, thủy chung *người vợ hoá đá* đã trở thành biểu tượng cho phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Vì vậy, có nhiều huyền thoại về đá vọng phu được kể trong dân gian: *Sự tích Nàng Tô Thị*, *Đá vọng phu*, *Sự tích đá Bà Rầu* (Dân tộc Kinh), *Đá trông chồng*¹⁴ (dân tộc Nùng)... Và chúng ta có thể

chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những hòn đá vọng phu ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam: hòn đá Vọng phu (Nàng Tô Thị) hình mẹ bồng con, quay mặt ra biển trên đỉnh ngọn núi Tam Thanh (Lạng Sơn); hòn đá Vọng phu trên đỉnh núi Nhồi (huyện Đông Sơn, Thanh Hóa); tượng Bà Rầu cô đơn buồn bã (ở Quảng Nam); hòn đá Vọng phu trên đỉnh núi Đê Bi (huyện Phù Cát, Bình Định), v.v...

Đặc biệt, với một đất nước mà lịch sử gắn liền với những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm như Việt Nam thì ở đâu, chúng ta cũng thấy lịch sử soi mình trong đó. Vì vậy, từ câu chuyện dân gian với motif anh em lấy nhầm nhau, khi phát hiện ra, người chồng – người anh lãng lạng bỏ đi, để người vợ – người em trông chờ đến hoá đá, chúng ta có thể gặp vô số những hòn vọng phu lớn nhỏ – vọng phu thời hiện đại. Đó là những người vợ chờ chồng ra trận đến hoá thành đá núi:

¹⁴ *Tuyển tập truyện cổ các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, 2006, trang 227.

*“Dân tộc ấy có gì kỳ lạ
Một nước bao nhiêu là đá Vọng phu
Những năm tháng đợi chờ, những thập kỷ đợi chờ
Chỉ một là người, hai là hóa đá
Dân tộc ấy có gì kỳ lạ...”*

(Phạm Tiến Duật)

Trở thành một mạch nguồn văn hoá (yêu nước, nhân hậu, kiên trinh, chung thủy) và âm thầm chảy trong dòng văn hoá Việt Nam, những hòn vọng phu thời hiện đại ấy đã lay động lòng cảm thương pha lẫn sự ngưỡng mộ, tự hào của nhân dân và đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho thơ ca:

*“Đầu nước đá ôm con, cuối nước đá đợi chồng...
Là tượng đá của những thời bình lửa
Nàng vọng phu đầu sông hơn gì nàng Tô Thị cuối sông...
“Người ra đi chắc gì quay lại nữa
Trên đầu non lòng đá vẫn kiên trinh...”*

Hay:

*“... Không hóa thạch kẻ ra đi, hóa thạch kẻ đợi chờ
Xói mòn những non cao, không xói mòn lòng chung thủy
Đá đứng đấy giữa mưa nguồn và chớp bể
Đợi một bóng hình trở lại giữa đơn côi”.*

(Vọng phu – Chế Lan Viên)

Vì vậy, không phải không có lý khi nhân vật Hoài trong *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài nhận thấy chiến tranh không “mang bộ mặt đàn ông tươi rói, hào hùng” mà “chiến tranh đích thực mang bộ mặt đàn bà, xót xa khắc khoải”¹⁵. Sự hoá thân ấy của những người phụ nữ đã góp phần làm nên dáng hình Đất Nước, để Đất Nước bền vững đến muôn đời. Đó chính là cái “tinh thần đá” mang “tính âm”, là “nốt lặng”, “nốt trầm” trong bản hoà ca hào hùng của dân tộc, nhưng lại có sức ngân vang trong suốt bốn ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông.

Đá – biểu tượng cho sự sắt son chung thủy trong tình nghĩa vợ chồng còn được lưu truyền qua sự tích Hòn Trống Mái (Sầm Sơn - Thanh Hoá). Mối tình thủy chung, sống chết bên nhau, cùng nhau hoá đá của cặp vợ chồng trẻ (người trần và tiên nữ) đã khiến cho người đời cảm động. Đá Trống – Mái “trơ gan cùng tuế nguyệt”, trường tồn vĩnh hằng với thời gian thật đáng cho người đời chiêm ngưỡng. Trước bạo lực, cường quyền mà không thể đương đầu (vì đó là cha mình – Ngọc Hoàng Thượng Đế), người con gái ấy chỉ còn cách hoá thân thành đá mới có thể bảo vệ tình yêu và bảo vệ tính mạng của người yêu. Đến tham quan địa danh này, chiêm

¹⁵ Phạm Thị Hoài (1988), *Thiên sứ*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, tr.117.

ngưỡng Hòn Trống Mái, người ta muốn nhắc nhau về tấm lòng chung thủy và sự bất diệt của tình yêu.

Motif **hoá đá** đã trở thành motif quen thuộc và giàu ý nghĩa biểu tượng trong văn hoá Việt Nam. Cho đến nay, bi kịch gia đình và bi kịch quốc gia trong câu chuyện *My Châu – Trọng Thủy* vẫn làm cho các thế hệ bạn đọc Việt Nam xót xa, day dứt. Nhân dân đã rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt My Châu (vì nàng



Hòn Trống Mái (Sầm Sơn – Thanh Hoá)

đã làm lộ bí mật quốc gia dẫn đến bi kịch nước mất, nhà tan), nhưng cũng rất công minh và nhân đạo khi cảm thông cho bi kịch hôn nhân của nàng. Vì vậy, kể lại câu chuyện này, nhân dân đã để cho My Châu **hoá thành ngọc trai** nơi đáy biển. Nhưng trong dân gian vẫn lưu truyền câu chuyện My Châu **hoá đá** và người dân đã mang phiến đá hình cô gái cụt đầu (My Châu bị vua cha chém đầu) về thờ tại Đền Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ở đây, đá My Châu không phải là biểu tượng của lòng thủy chung hay tinh thần bền vững trước không gian và thời gian mà là thông điệp gửi đến các thế hệ sau: phải biết giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa *riêng* và *chung*, giữa *tình nhà* và *nghĩa nước* để tránh những bi kịch đau lòng. Thông điệp gửi đi từ pho tượng đá cụt đầu này rất có ý nghĩa với các thế hệ người dân Việt Nam nói chung và người phụ nữ nói riêng. Vì điểm mạnh và cũng là điểm có thể gây nên bao nông nổi đời người trong văn hoá Việt Nam là “trọng tình”. Vì vậy, trong bài thơ *Trước đá My Châu*, nhà thơ Trần Đăng Khoa như “giải mã” bi kịch của tảng đá cụt đầu ấy:

*“Nhớ vắn nước có một thời chìm nổi
Bắt đầu từ một tình yêu*

*Em hóa đá ở trong truyền thuyết
Cho bao cô gái sau em
Không còn phải hóa đá trong đời”.*

Có thể nói, “tinh thần đá” tích tụ thắm sâu trong văn hoá Việt Nam và trở thành một mạch nguồn âm thầm chảy trong dòng sông văn hoá Việt Nam qua nhiều thời đại. Và mãi mãi, “tinh thần đá” ấy sẽ là nguồn cảm hứng bất tận cho các thế hệ thi nhân.

3. Kết luận

Khác với người phương Tây (xem thiên nhiên là nền tảng để làm bật nổi con người), người phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng coi thiên nhiên là một khách thể độc lập, tồn tại trong mối quan hệ tương tác với con người. Điều này xuất phát từ quan niệm “vạn vật hữu linh”, “thiên nhân tương cảm, địa nhân tương chí” của người xưa. Chính vì tồn tại trong mối quan hệ tương tác, đồng điệu như vậy nên thiên nhiên (cỏ cây, đất đá, sông suối...) trở thành một phần quan trọng, không thể thiếu trong đời sống con người. Đi tìm “tinh thần đá” trong văn hoá Việt Nam chính là đi tìm cái minh triết dân gian được khúc xạ qua các tín ngưỡng dân gian và những biểu hiện phổ biến của một nền văn hoá gắn liền với nông nghiệp của dân tộc, từ đó hiểu hơn đời sống tâm hồn và nhân cách Việt Nam. Hiện nay, trên đất nước Việt Nam có

những bãi đá lộ thiên, ẩn chứa những thông điệp quý đang chờ các nhà khoa học giải mã (như bãi đá cổ Sapa). Đây có thể xem là những bảo vật của quốc gia, cần được gìn giữ. Hiểu được vai trò của đá trong đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân, cũng như hiểu được “tinh thần đá” ẩn tàng trong đời sống văn hoá của dân tộc, mỗi người dân Việt sẽ biết trân trọng, bảo tồn những cổ vật đá trước nguy cơ tàn phá của thời gian và sự vô tình của con người; đồng thời biết gìn giữ và phát huy tinh thần ấy của cha ông trong đời sống đương đại, khi mà nhiều giá trị truyền thống có nguy cơ bị mai một hay bị lãng quên.

(Tạp chí *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, ĐHQG TP HCM, 2015)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Huy Bình (2013), *Truyền thuyết Thạch Tướng Quân trong mối quan hệ với tín ngưỡng thờ đá*, Nguồn: Viện Văn học, vienvanhoc.vass.gov.vn, ngày 12/6/2013.
- [2]. Nguyễn Hữu Bình (2009), *Truyền thuyết dân gian xứ Bắc về Thạch thần*, baobacninh.com.vn, ngày 24/01/2009..
- [3]. Leopold Cadiere (2010), *Văn hóa tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, tập II (Đỗ Trinh Huệ dịch), Nxb. Thuận Hóa.
- [4]. Chu Xuân Diên – Lê Chí Quế (1987), *Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb.Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Đăng Duy (1996), *Văn hóa tâm linh*, Nxb. Hà Nội.
- [6]. Lục Tiểu Linh Đồng (2010), *Lục Tiểu Linh Đồng bình Tây Du Tập 1*, (Phạm Uyên Minh dịch), Nxb. Thời Đại.
- [7]. Phạm Thị Hoài (1988), *Thiên sứ*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Việt Hùng (2010), *Tục thờ đá trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, www.vanchuongviet.org, ngày 13/7/2010.
- [9]. Chu Minh Khôi (2007), *Đá – linh khí trong di vật cổ Phật giáo*, Nguồn: CAND, antg.cand.com.vn, ngày 03/4/2007.
- [10]. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
- [11]. Trịnh Sinh (2014), *Nét phồn thực giao duyên động trên cổ vật*, www.vntravellive.com.
- [12]. Phan Xuân Viện (2009), *Môtip đá thiêng / hóa đá và tín ngưỡng thờ đá trong truyện kể dân gian Nam Đảo*, khoavanhoc_ngonngu.eu.vn, ngày 21/9/2009.
- [13]. Lý Tế Xuyên (1994), *Việt điện u linh*, Nxb. Văn học.
- [14]. Nhiều tác giả (1997), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Nxb. Đà Nẵng.
- [15]. *Tuyển tập truyện cổ các dân tộc Việt Nam* (2005), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

